



## CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÀNG AN**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 20



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN**

Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (84-4) 39 446 218 Fax: (84-4) 39 446 213

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trăng An trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trăng An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Theo Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2007 thì vốn điều lệ của Công ty là: **139.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng).

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội  
Tel: (84-4) 39 446 218 Fax: (84-4) 39 446 213

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết ngày 22/02/2010 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán: TAS

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

**Hội đồng quản trị**

- |                          |              |
|--------------------------|--------------|
| - Ông Dương Tuấn Thịnh   | Chủ tịch     |
| - Ông Trần Bá Trung      | Phó Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Hồng Chương | Ủy viên      |
| - Ông Trương Quang Lâm   | Ủy viên      |
| - Ông Lê Hồ Khôi         | Ủy viên      |

**Ban Giám đốc**

- |                          |                   |
|--------------------------|-------------------|
| - Ông Lê Hồ Khôi         | Tổng Giám đốc     |
| - Bà Bùi Lan Anh         | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trịnh Văn Toàn     | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan | Kế toán trưởng    |

02/07/2010  
CƠ  
CH N  
M T  
VI  
U

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN**

Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (84-4) 39 446 218 Fax: (84-4) 39 446 213

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty đại chúng.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN**



**Lê Hồ Khôi**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010





## CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số 52/-10/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2010

### BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An (sau đây gọi tắt là 'Công ty') được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.


Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn. Riêng đối với các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn (chứng khoán chưa niêm yết), do không có cơ sở xác định giao dịch tại ngày 30/06/2010, nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này. Bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng về giá trị thị trường tại thời điểm 30/06/2010 của các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chế độ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười một (11) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An giữ mười (10) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

  
Trần Quốc Tuấn  
Tổng giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>330.013.817.788</b>	<b>224.727.236.362</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>31.530.415.097</b>	<b>66.052.770.960</b>
1 Tiền	111	V.1.	31.530.415.097	66.052.770.960
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.806.175.044</b>	<b>2.452.593.860</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.3.	15.905.110.235	2.551.529.051
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(98.935.191)	(98.935.191)
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.10</b>	<b>277.341.087.771</b>	<b>155.115.806.187</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		2.000.000	16.000.000
2 Trả trước cho người bán	132		171.862.226	171.862.226
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		276.407.906.628	154.266.508.359
5 Các khoản phải thu khác	138		759.318.917	661.435.602
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.336.139.876</b>	<b>1.106.065.355</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		334.503.596	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		276.033	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		5.001.360.247	1.106.065.355
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>32.643.346.896</b>	<b>40.048.171.974</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.511.929.904</b>	<b>5.294.116.480</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	3.705.933.085	3.749.366.867
- Nguyên giá	222		7.659.562.358	6.978.204.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.953.629.273)	(3.228.838.124)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	1.805.996.819	1.544.749.613
- Nguyên giá	228		2.961.684.833	2.419.571.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.155.688.014)	(874.822.220)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23.395.600.000</b>	<b>27.868.500.000</b>
3 Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.3	8.395.600.000	12.868.500.000
4 Đầu tư dài hạn khác	258	V.3	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.735.816.992</b>	<b>6.885.555.494</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	778.233.537	1.587.671.539
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.8	417.453.262	2.963.915.168
3 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	1.092.344.608	984.983.202
4 Tài sản dài hạn khác	268		1.447.785.585	1.348.985.585
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>362.657.164.684</b>	<b>264.775.408.336</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>211.709.070.955</b>	<b>121.466.700.323</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>V.11</b>	<b>211.709.070.955</b>	<b>121.466.700.323</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		27.350.000	469.824.644
3 Người mua trả tiền trước	313		138.500.000	33.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	585.152.315	203.324.664
5 Phải trả người lao động	315		523.534.239	-
6 Chi phí phải trả	316		-	56.000.000
8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		309.483.307	-
9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		23.938.000	242.800
10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		1.533.400.000	840.107.600
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác	328		208.567.713.094	119.864.200.615
12 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>150.948.093.729</b>	<b>143.308.708.013</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>150.948.093.729</b>	<b>143.308.708.013</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		139.000.000.000	139.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		11.130.000.000	11.130.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		818.093.729	(6.821.291.987)
<b>II Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>362.657.164.684</b>	<b>264.775.408.336</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRẢNG AN

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc Lan



Lê Hồ Khôi



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	30/06/2010	01/01/2010
6 Chứng khoán lưu ký	006	563.578.000.000	423.978.380.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	473.455.060.000	423.978.380.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	2.877.340.000	608.180.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	468.706.160.000	423.370.200.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	1.871.560.000	-
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	013	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	67.067.240.000	61.283.460.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	67.067.240.000	59.411.900.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	1.871.560.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	23.055.700.000	-
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	23.055.700.000	-
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan



Lê Hồ Khôi

84-  
TY  
HUU  
DINH  
NAM  
TP



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
<b>1 Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>28.910.113.819</b>	<b>11.874.787.096</b>
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		10.904.791.024	6.384.986.599
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		13.761.665.549	230.234.279
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		214.000.000	205.000.000
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		13.492.096	1.000.000
Doanh thu khác	01.9		4.016.165.150	5.053.566.218
<b>2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>28.910.113.819</b>	<b>11.874.787.096</b>
<b>4 Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>		<b>12.215.013.597</b>	<b>5.305.327.333</b>
<b>5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>16.695.100.222</b>	<b>6.569.459.763</b>
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.509.252.600	4.787.159.284
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>10.185.847.622</b>	<b>1.782.300.479</b>
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32		-	-
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>10.185.847.622</b>	<b>1.782.300.479</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.2	2.546.461.906	445.575.120
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>7.639.385.716</b>	<b>1.336.725.359</b>
<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>550</b>	<b>96</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CHỨNG KHOÁN  
 TRĂNG AN  
 9 HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI

Lê Hồ Khôi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK</b>			
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	28.883.873.512	10.999.552.817
2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(18.724.266.197)	(8.234.026.793)
3 Tiền chi trả quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(107.361.406)	(513.999.080)
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	10.210.198.465.621	2.228.069.375.794
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(10.265.691.286.393)	(2.217.532.289.927)
6 Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	60.775.687.000	3.698.459.000
7 Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(60.775.687.000)	(5.406.449.000)
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10	(442.474.644)	(89.080.351)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11	(5.039.211.214)	(2.999.539.290)
12 Tiền thu khác	14	24.597.501.602	17.729.860.557
13 Tiền chi khác	15	(6.974.126.377)	(68.914.328.316)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK</i>	20	<i>(33.298.885.496)</i>	<i>(43.192.464.589)</i>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.223.470.367)	(34.107.960)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1.223.470.367)</i>	<i>(34.107.960)</i>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	15.000.000.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	<i>15.000.000.000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50	<i>(34.522.355.863)</i>	<i>(28.226.572.549)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.052.770.960	107.472.551.685
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	31.530.415.097	79.245.979.136

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Hồ Khôi

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHDKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội  
Tel: (84-4) 39 446 218      Fax: (84-4) 39 446 213

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **139.000.000.000 VND** ( Một trăm ba mươi chín tỷ đồng Việt Nam). Tương đương với 13.900.000 cổ phần.

Đến thời điểm 30/06/2010 cơ cấu cổ đông của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 là:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tràng An	2.250.000	16,19%
Công ty Tài chính Bưu điện	900.000	6,47%
Tổng Công ty phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	784.900	5,65%
Các cổ đông khác	9.965.100	71,69%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.900.000</b>	<b>100,00%</b>

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHDKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

**4. Tổng số nhân viên: 90 người**

Trong đó nhân viên quản lý: 15 người

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**2.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**

*(tiếp theo)*

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
- Máy móc, thiết bị	02 - 04
- Phương tiện vận tải	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

**2.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
- Phần mềm giao dịch	04

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán: Theo giá trị mua vào thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Theo giá trị tại thời điểm đầu tư.

Tại ngày 30/06/2010, đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, do không có cơ sở xác định giao dịch tại ngày 30/06/2010, vì vậy Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ từ 2 - 5 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

**5. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại được thực hiện theo chuẩn mực 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.155.919.688	2.822.552.508
Tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán	13.116.976.334	7.775.039.627
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	17.257.519.075	55.455.178.825
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.530.415.097</b>	<b>66.052.770.960</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ.

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<b>1. Cửa Công ty chứng khoán</b>	<b>2.151.780</b>	<b>106.990.005.000</b>
- Cổ phiếu	2.151.780	106.990.005.000
<b>2. Cửa người đầu tư</b>	<b>196.980.037</b>	<b>6.766.913.285.100</b>
- Cổ phiếu	196.980.037	6.766.913.285.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.131.817</b>	<b>6.873.903.290.100</b>

3. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá TT (tăng, giảm)	Tổng giá trị theo giá thị trường
<b>I - Chứng khoán thương mại</b>	<b>280.212</b>	<b>15.905.110.235</b>	<b>(3.878.965.063)</b>	<b>12.026.145.172</b>
<b>II - Chứng khoán đầu tư</b>	<b>301.888</b>	<b>8.395.600.000</b>	-	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	301.888	8.395.600.000		
<b>III - Đầu tư góp vốn</b>	-	-	-	-
<b>IV - Đầu tư tài chính khác</b>		<b>15.000.000.000</b>		
- Góp vốn với Công ty Hữu nghị FORTIKA đầu tư dự án xây dựng nhà cao tầng		15.000.000.000		
<b>Tổng cộng</b>	<b>582.100</b>	<b>39.300.710.235</b>	<b>(3.878.965.063)</b>	<b>12.026.145.172</b>

4. Tài sản ngắn hạn khác

30/06/2010

01/01/2010

VND

VND

Tạm ứng		
- Phòng hành chính (tạm ứng chi phí trong kỳ)	1.483.578.960	415.541.260
- Phòng đầu tư (tạm ứng chi phí đặt cọc, đấu giá)	2.300.000.000	-
- DLNL Hoàng Long	498.200.000	498.200.000
- Trần Minh Hằng	222.836.213	7.400.000
Các đối tượng khác	496.745.074	184.924.095
<b>Cộng</b>	<b>5.001.360.247</b>	<b>1.106.065.355</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010  
 (tiếp theo)

**5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>				
Số dư đầu kỳ	4.255.280.721	1.931.282.440	791.641.830	6.978.204.991
Số tăng trong kỳ	681.357.367	-	-	681.357.367
- Mua sắm mới	681.357.367	-	-	681.357.367
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.936.638.088	1.931.282.440	791.641.830	7.659.562.358
<b>Giá trị đã hao mòn</b>				
Đầu kỳ	2.328.812.598	665.098.547	234.926.979	3.228.838.124
Tăng trong kỳ	519.836.269	120.705.153	84.249.727	724.791.149
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.848.648.867	785.803.700	319.176.706	3.953.629.273
<b>Giá trị còn lại</b>				
Đầu kỳ	1.926.468.123	1.266.183.893	556.714.851	3.749.366.867
Cuối kỳ	2.087.989.221	1.145.478.740	472.465.124	3.705.933.085

**6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>		
Số dư đầu kỳ	2.419.571.833	2.419.571.833
Số tăng trong kỳ	542.113.000	542.113.000
- Mua sắm mới	542.113.000	542.113.000
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý	-	-
Số cuối kỳ	2.961.684.833	2.961.684.833
<b>Giá trị đã hao mòn</b>		
Đầu kỳ	874.822.220	874.822.220
Tăng trong kỳ	280.865.794	280.865.794
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.155.688.014	1.155.688.014
<b>Giá trị còn lại</b>		
Đầu kỳ	1.544.749.613	1.544.749.613
Cuối kỳ	1.805.996.819	1.805.996.819



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Chi phí trả trước tiền thuê nhà	38.090.668	152.342.668
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	106.940.925	290.101.737
- Chi phí thành lập Công ty	46.873.159	108.028.558
- Chi phí sửa văn phòng	462.626.442	808.628.887
- Chi phí dịch vụ trả trước dài hạn	81.411.175	168.977.407
- Thi công mạng cáp	42.291.168	59.592.282
<b>Cộng</b>	<b>778.233.537</b>	<b>1.587.671.539</b>
8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	-	514.793
Thuế thu nhập cá nhân	585.152.315	202.809.871
<b>Cộng</b>	<b>585.152.315</b>	<b>203.324.664</b>
9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	417.453.262	2.963.915.168
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>417.453.262</b>	<b>2.963.915.168</b>
10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	447.753.846	447.753.846
- Tiền nộp bổ sung	513.999.080	513.999.080
- Tiền lãi phân bổ trong năm	130.591.682	23.230.276
<b>Cộng</b>	<b>1.092.344.608</b>	<b>984.983.202</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010  
 (tiếp theo)

11. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	01/01/2010			Phát sinh trong kỳ		30/06/2010			
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
1. Phải thu của khách hàng	154.282.508.359	-	-	4.735.316.049.240	4.613.188.650.971	276.409.906.628	-	-	-
- Phải thu của TTGDCK									
- Phải thu khách hàng về GDCK	154.266.508.359	-	-	4.735.316.049.240	4.613.174.650.971	276.407.906.628	-	-	-
- Phải thu tổ chức PHCK hoặc BLPCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký CK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác.	16.000.000	-	-	-	14.000.000	2.000.000	-	-	-
2. Phải thu khác.	661.435.602	-	-	42.490.170.918	42.392.287.603	759.318.917	-	-	-
3. Trả trước cho người bán.	171.862.226	-	-	-	-	171.862.226	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.115.806.187</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.777.806.220.158</b>	<b>4.655.580.938.574</b>	<b>277.341.087.771</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010  
 (tiếp theo)

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2010	Phát sinh trong kỳ		30/06/2010
		Tăng	Giảm	
1.Vay ngắn hạn	-	-	-	-
2.Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
3.Phải trả người bán	469.824.644	-	442.474.644	27.350.000
4. Người mua trả trước tiền hàng	33.000.000	310.341.306	204.841.306	138.500.000
5.Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	309.483.307	-	309.483.307
6.Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	242.800	23.938.000	242.800	23.938.000
7.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	203.324.664	3.487.119.261	3.105.291.610	585.152.315
8.Phải trả nhân viên	-	5.562.745.453	5.039.211.214	523.534.239
9.Chi phí phải trả	56.000.000	-	56.000.000	-
10.Phải trả tổ chức phát hành CK	840.107.600	60.775.687.000	60.082.394.600	1.533.400.000
11.Phải trả, phải nộp khác	119.864.200.615	17.384.809.003.702	17.296.105.491.223	208.567.713.094
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	60.070.459.000	4.271.976.981.500	4.285.722.088.500	46.325.352.000
- Nhận ký quỹ của nhà đầu tư	59.394.610.730	10.866.686.184.913	10.764.111.098.315	161.969.697.328
- Phải trả, phải nộp khác	399.130.885	2.246.145.837.289	2.246.272.304.408	272.663.766
<b>Tổng cộng</b>	<b>121.466.700.323</b>	<b>17.455.278.318.029</b>	<b>17.365.035.947.397</b>	<b>211.709.070.955</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010  
 (tiếp theo)

13. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2010	Phát sinh trong kỳ		30/06/2010
		Tăng	Giảm	
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.000.000.000	-	-	139.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	11.130.000.000	-	-	11.130.000.000
3.Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4.Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
8.Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(6.821.291.987)	7.639.385.716	-	818.093.729
<b>Tổng cộng</b>	<b>143.308.708.013</b>	<b>7.639.385.716</b>	<b>-</b>	<b>150.948.093.729</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010  
(tiếp theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	2.546.461.906	445.575.120
<b>Cộng</b>	<b>2.546.461.906</b>	<b>445.575.120</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

1. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tiền của nhà đầu tư	17.257.519.075	55.455.178.825
<b>Cộng</b>	<b>17.257.519.075</b>	<b>55.455.178.825</b>

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 của Công ty CP Chứng khoán Trăng An đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN  
HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Lê Hồ Khôi

